

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08/2024/CV-CET

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024

V/v. Công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của CTCP HTC Holding.

**Kính gửi/To: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội,  
- Cổ đông Công ty Cổ phần HTC Holding,  
- Các bên liên quan.**

Công ty Cổ phần HTC Holding (CET) xin được thông tin về Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán như sau.

Thực hiện hợp đồng kiểm toán số 262/HĐKT/TC/2023/AASCS ngày 18/07/2023, AASCS đã hoàn thành công tác kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán số 236/BCKT/TC/2024/AASCS ngày 21/03/2024 về Báo cáo tài chính năm 2023 của CET.

Sau đó, AASCS gửi CET Công văn số 174/CV/2024/AASCS V/v. Thu hồi Báo cáo kiểm toán số 236/BCKT/TC/2024/AASCS ngày 21/3/2024 đã phát hành nêu trên và phát hành lại Báo cáo kiểm toán thay thế số 318/BCKT/TC/2024/AASCS ngày 27/03/2024.

Lý do phát hành lại: Do thay đổi người đại diện theo pháp luật ký tên trên Báo cáo kiểm toán từ bà Nguyễn Thị Tuyết (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số 0624-2013-142-1) thay bằng ông Lê Văn Tuấn (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số 0479-2013-142-1).

Lý do thay đổi người đại diện theo pháp luật: Ngày 25/3/2024 AASCS mới nhận được Quyết định số 325/QĐ-UBCK ngày 20/3/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đình chỉ tư cách kiểm toán viên được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán của hai kiểm toán viên. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2024, trong đó có kiểm toán viên Nguyễn Thị Tuyết. Do đó, tổ chức kiểm toán phải thay đổi người ký ở vị trí người đại diện theo pháp luật.

Thông qua văn bản này, Công ty Cổ phần HTC Holding (CET) xin cam đoan về hoạt động kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của CET đúng với quá trình như trên. Đồng thời, chúng tôi xin xác nhận kiểm toán viên Lê Văn Tuấn (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0479-2023-142-1) có tham gia vào quá trình kiểm toán tại Công ty Cổ phần HTC Holding theo đúng quy định hiện hành.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: Phòng HTKD.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quốc Phương

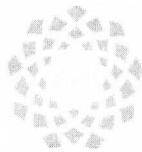
XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)  
TỔNG GIÁM ĐỐC



*[Handwritten signature]*  
**Phùng Ngọc Toàn**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
HTC HOLDING  
HCT HOLDING  
JOINT STOCK COMPANY**



CET HOLDING

Số/No.: 11/2024/CBTT-CET

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom – Happiness**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024  
Hanoi, March 29, 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
DISCLOSURE OF INFORMATION**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*

Công ty/Company: Công ty Cổ phần HTC Holding/ *HTC Holding JSC*

Mã chứng khoán/*Securities Code*: CET

Người thực hiện công bố thông tin/*Submitted by*: Ông (Mr.) Dương Thành Tín

Chức vụ/*Position*: Trưởng phòng Quan hệ nhà đầu tư/*Investor Relation Manager*

Địa chỉ/*Address*: Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội /*No.4, 4<sup>th</sup> Floor, Daeha Building, 360 Kim Ma, Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh District, Ha Noi.*

Điện thoại/*Telephone*: (020)3 864617

Fax: (028) 62 9911 88

Loại thông tin công bố:  24h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

*Information disclosure type*:  24 hours  Requested  Irregular  Periodic

**Nội dung công bố thông tin/*Content of Information disclosure*:**

Công ty Cổ phần HTC Holding (CET) công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023:

*HTC Holding Joint Stock Company (CET) announces the audited Financial Statement of 2023.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website:

<https://cetholding.vn/> mục Quan hệ Nhà đầu tư.

*This information has been published on our company's website: <https://cetholding.vn/> in Investor Relations section.*

*Tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin công bố.*

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/  
INFORMATION DISCLOSURE  
REPRESENTATIVE**



**ĐƯƠNG THÀNH TÍN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
HTC HOLDING**



CET HOLDING

\*\*\*

Số: 06/2024/CV-CET

V/v: Giải trình biến động kết quả  
SXKD btc kiểm toán năm 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

\*\*\*

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Công ty cổ phần HTC Holding (CET) xin giải trình với Quý Sở, Quý Ủy ban về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong BCTC kiểm toán năm 2023 như sau:

**Giải trình biến động so với cùng kỳ:**

*Đơn vị tính: đồng*

Loại Báo cáo tài chính ("BCTC")	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)			
	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch (1) so với (2)	Tỷ lệ chênh lệch (1) so với (2)
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4) = (3)/(2)*100
BCTC kiểm toán 2023	111.578.480	992.767.186	(881.188.706)	(88,76%)

- Giải trình của công ty như sau: Trong năm 2023, lợi nhuận sau thuế của công ty giảm 88,76% so với cùng kỳ do công ty phát sinh đến 679 triệu đồng chi phí tài chính trong khi chi phí này ở thời điểm cùng kỳ năm 2022 gần như không phát sinh.

*Giải trình biến động so với trước kiểm toán:*

*Đơn vị tính: đồng*

Loại Báo cáo tài chính (“BCTC”)	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)			
	Lũy kế năm 2023 sau kiểm toán	Lũy kế năm 2023 trước kiểm toán	Chênh lệch (1) so với (2)	Tỷ lệ chênh lệch (1) so với (2)
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4) = (3)/(2)*100
BCTC 2023	111.578.480	25.669.378	85.909.102	334,68%

- Giải trình của công ty như sau: Sau kiểm toán, lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 111,6 triệu đồng, tương đương tăng 334,68% so với thời điểm trước kiểm toán do đánh giá lại lãi từ chênh lệch tỷ giá. Cụ thể công ty ghi nhận doanh thu tài chính tăng từ 48,1 triệu đồng lên 257,9 triệu đồng.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Sở được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

**CÔNG TY CP HTC HOLDING**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN QUỐC PHƯƠNG**

*Nơi nhận:*

- Như trên
- Lưu VP

# CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**  
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	06 - 07
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28





## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần HTC Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28/10/2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25/05/2021 và đăng ký thay đổi lần gần nhất là lần thứ 15 ngày 02/08/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.500.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 60.500.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại số 4 tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã “CET”.

### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh sản xuất, thương mại.

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);
- .....

### **4. Kết quả hoạt động**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29-0  
TY  
H  
U VẤN  
Ế TO  
TOÁN  
AM  
5 CH  
230  
NG T  
PH  
IOLD  
HỒ V

## CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### 6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện Pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông	Đỗ Văn Đạt	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Nguyễn Quốc Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Lê Hoàng Đài Trang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Hà Lê Thúy Vy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Lê Hoàng Đài Trang	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Nguyễn Thành Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Tạ Tiến Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Lê Hoàng Đài Trang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Trần Thị Thảo Trang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Tạ Tiến Dũng	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 14/09/2023)
Bà	Phạm Lê Hải Châu	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023, thôi nhiệm ngày 14/09/2023)
Ông	Lê Văn Thắng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)

#### Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Nguyễn Thu Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Trịnh Quyết Tiến	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Vi Thùy Trang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)
Ông	Chữ Lương Huân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)
Bà	Phan Thị Nhung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/07/2023)

#### Đại diện pháp luật

Ông	Đỗ Văn Đạt	(Bổ nhiệm ngày 02/08/2023)
Ông	Trần Hoàng Anh Tuấn	(Bổ nhiệm ngày 02/08/2023)
Ông	Nguyễn Quốc Phương	(Bổ nhiệm ngày 02/08/2023)
Ông	Tạ Tiến Dũng	(Miễn nhiệm ngày 02/08/2023)

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

#### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty Cổ phần HTC Holding.



**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**9. Cam kết khác**

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2024

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



Nguyễn Quốc Phương

Số: 318 /BCKT/TC/2024/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần HTC Holding được lập ngày 21/03/2024 từ trang 08 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần HTC Holding tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 30 tháng 03 năm 2023 với ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh.

Báo cáo này được lập để thay thế báo cáo kiểm toán số 236/BCKT/2024/AASCS ngày 21/03/2024 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam về báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần HTC Holding. Lý do thay thế là do thay đổi kiểm toán viên trong danh sách được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0699-2023-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>18.402.860.295</b>	<b>10.486.596.443</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>10.526.158.207</b>	<b>309.801.432</b>
1. Tiền	111		10.526.158.207	309.801.432
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.653.178.316</b>	<b>10.170.908.611</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1.155.880.000	369.500.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	6.487.592.960	8.415.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	9.705.356	1.385.908.611
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>223.523.772</b>	<b>5.886.400</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		223.523.772	5.886.400
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>64.684.769.906</b>	<b>64.600.000.000</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.05	<b>64.600.000.000</b>	<b>64.600.000.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.600.000.000	64.600.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>84.769.906</b>	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		84.769.906	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>83.087.630.201</b>	<b>75.086.596.443</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.732.373.391</b>	<b>7.857.918.113</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.732.373.391</b>	<b>7.857.918.113</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.06	152.000	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.07	-	6.991.320.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	121.046.931	315.230.612
4. Phải trả người lao động	314		-	105.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.09	100.000.000	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	15.064.806.959	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		446.367.501	446.367.501
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>67.355.256.810</b>	<b>67.228.678.330</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.11	<b>67.355.256.810</b>	<b>67.228.678.330</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.500.000.000	60.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.500.000.000	60.500.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		446.367.502	446.367.502
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		6.408.889.308	6.282.310.828
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.297.310.828	5.289.543.642
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		111.578.480	992.767.186
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>83.087.630.201</b>	<b>75.086.596.443</b>

Người lập biểu



Trịnh Phương Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Phương Anh

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	93.726.778.874	97.793.150.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		93.726.778.874	97.793.150.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	89.621.680.320	95.980.400.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.105.098.554	1.812.750.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	257.971.957	113.938
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	679.320.426	39.894
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		676.578.629	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	2.952.260.618	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	570.062.865	543.023.988
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		161.426.602	1.269.800.056
11. Thu nhập khác	31		24	
12. Chi phí khác	32	VI.06	18.051.751	8.072.859
13. Lợi nhuận khác	40		(18.051.727)	(8.072.859)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		143.374.875	1.261.727.197
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	116.566.301	268.960.011
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.09	(84.769.906)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		111.578.480	992.767.186
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	18	164
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	18	164

Người lập biểu



Trịnh Phương Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Phương Anh

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Phương

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HTC HOLDING

THÀNH PHỐ HÀ NỘI



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		143.374.875	1.261.727.197
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	39.894
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.896.475)	(113.938)
- Chi phí lãi vay	06		676.578.629	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		818.057.029	1.261.653.153
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		2.300.092.923	41.068.204.989
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.003.801.942)	(278.271.668)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(676.578.629)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(288.116.040)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.850.346.659)	42.051.586.474
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(42.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.896.475	113.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.896.475	(41.999.886.062)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		30.064.806.959	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		15.064.806.959	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.216.356.775	51.700.412
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		309.801.432	258.140.914
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(39.894)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	10.526.158.207	309.801.432

Người lập biểu



Trịnh Phương Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Phương Anh

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Phương

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28/10/2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25/05/2021 và đăng ký thay đổi lần gần nhất là lần thứ 15 ngày 02/08/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.500.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 60.500.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại số 4 tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã "CET".

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh sản xuất, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);
- ....

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

6. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 06 cán bộ công nhân viên ( tại ngày 01/01/2023 là 03 nhân viên)

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

172  
NG T  
NH  
UTU  
H KÉ  
EM TO  
A NAM  
PHỐ

T.C.P.  
\*

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN****1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

**Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:**

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 5. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**15. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

3117  
CÔNG  
TNH  
VỤ T  
ÍNH K  
KIỂM  
HIA N  
T.P.H

10423

CÔNG  
CỔ P  
TC H

NH P



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

## 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền mặt	2.522.274.655	300.013.045
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.003.883.552	9.788.387
<b>Cộng</b>	<b>10.526.158.207</b>	<b>309.801.432</b>

## 2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.155.880.000</b>	<b>369.500.000</b>
Công ty TNHH Herbal Organic Việt Nam	-	45.000.000
Công ty TNHH Chế biến nông sản miền Tây	324.500.000	324.500.000
Công ty TNHH Thương mại Đông Xuyên	831.380.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

## 3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.487.592.960</b>	<b>8.415.500.000</b>
Công ty Cổ phần GAVI	6.211.892.960	8.367.700.000
Các đối tượng khác	275.700.000	47.800.000
<b>b. Dài hạn</b>	-	-

## 4. PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>9.705.356</b>	<b>1.385.908.611</b>
+ Tạm ứng Tạ Tiến Dũng	-	1.385.908.611
+ Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tín Thương	9.705.356	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.705.356</b>	<b>1.385.908.611</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**

Số 4 tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>64.600.000.000</b>	-	-	<b>64.600.000.000</b>
+ Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
+ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-
+ Đầu tư vào các đơn vị khác	<b>64.600.000.000</b>	-	-	<b>64.600.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park	49.000.000.000	(*)	-	49.000.000.000 (*)
Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding	15.600.000.000	(**)	-	15.600.000.000 (**)
<b>Cộng</b>	<b>64.600.000.000</b>	-	-	<b>64.600.000.000</b>

**Ghi chú:**

(\*) Công ty Cổ phần HTC Holding đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park, tỷ lệ vốn góp 16,33%. Tại ngày 31/12/2023 và ngày 31/12/2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Công ty Cổ phần HTC Holding đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding, tỷ lệ vốn góp 19,5%. Tại ngày 31/12/2023 và ngày 31/12/2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Mặt khác, khoản đầu tư này đã được Đại hội cổ đông thường niên 2023 thông qua việc chuyển nhượng với giá trị tương ứng 15.616.000.000 đồng, Công ty vẫn đang xúc tiến thương vụ này và sẽ hoàn tất trong năm 2024.



## 6. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>152.000</b>	<b>152.000</b>	-	-
- Công ty Cổ phần Gavi	152.000	152.000	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>152.000</b>	<b>152.000</b>	-	-

## 7. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-	<b>6.991.230.000</b>	<b>6.991.230.000</b>
- Công ty TNHH Thương mại Đông Xuyên	-	-	6.991.230.000	6.991.230.000
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>6.991.230.000</b>	<b>6.991.230.000</b>

## 8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>a. Phải nộp</b>	<b>315.230.612</b>	<b>134.983.906</b>	<b>329.167.587</b>	<b>121.046.931</b>
Thuế thu nhập cá nhân	10.500.000	14.810.503	22.444.445	2.866.058
Thuế thu nhập doanh nghiệp	304.730.612	101.566.301	288.116.040	118.180.873
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	15.607.102	15.607.102	-
<b>b. Phải thu</b>	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>100.000.000</b>	-
- Trích trước chi phí kiểm toán	100.000.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**

Số 4 tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

**10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>15.064.806.959</b>	<b>15.064.806.959</b>	<b>30.064.806.959</b>	<b>15.000.000.000</b>	-	-
<b>a.1 Vay ngắn hạn</b>	<b>15.064.806.959</b>	<b>15.064.806.959</b>	<b>30.064.806.959</b>	<b>15.000.000.000</b>	-	-
- Ngân hàng Vietinbank - CN Đông Hà Nội	(1) 8.428.605.000	8.428.605.000	8.428.605.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	(2) 6.152.000.000	6.152.000.000	16.152.000.000	10.000.000.000	-	-
- Nguyễn Thị Quỳnh	(3) 484.201.959	484.201.959	484.201.959	-	-	-
- Trương Khắc Trung	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
<b>a.2 Vay dài hạn đến hạn trả</b>	-	-	-	-	-	-
<b>b. Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>c. Các khoản nợ thuế tài chính</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.064.806.959</b>	<b>15.064.806.959</b>	<b>30.064.806.959</b>	<b>15.000.000.000</b>	-	-

**d. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán**

**Ghi chú:**

- (1) Là khoản vay theo Hợp đồng số 322/2023-HĐCVHM/NHCT131-HTC ngày 03/11/2023 có hạn mức tín dụng không quá 30.000.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng với lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm. Tài sản thế chấp là bất động sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội (là bên liên quan do cùng thành viên ban điều hành).
- (2) Là khoản vay theo Hợp đồng số 04/2023/HĐV/BCG-HTC ngày 30/08/2023 có kỳ hạn 06 tháng với lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/năm. Theo thỏa thuận giữa các bên, tài sản thế chấp là 3.903.865 cổ phiếu CET của các cổ đông công ty tại thời điểm ký hợp đồng.
- (3) Là khoản vay mượn theo Hợp đồng số 01/2023/HĐMT ngày 03/07/2023 có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 0%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.



## 11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	60.500.000.000	446.367.502	5.289.543.642	66.235.911.144
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	992.767.186	992.767.186
Số dư tại ngày 31/12/2022	60.500.000.000	446.367.502	6.282.310.828	67.228.678.330
Số dư tại ngày 01/01/2023	60.500.000.000	446.367.502	6.282.310.828	67.228.678.330
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	111.578.480	111.578.480
- Khác	-	-	15.000.000	15.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2023	60.500.000.000	446.367.502	6.408.889.308	67.355.256.810



**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vốn nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	60.500.000.000	60.500.000.000
<i>Trần Hoàng Cường</i>	<i>9.078.650.000</i>	<i>14.500.000.000</i>
<i>Lê Thị Tuyết Vân</i>	-	12.300.000.000
<i>Nguyễn Minh Thùy</i>	-	6.960.000.000
<i>Nguyễn Tấn Thọ</i>	-	5.278.650.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội</i>	<i>10.000.000.000</i>	-
<i>Bùi Thị Hải Yến</i>	<i>13.000.000.000</i>	-
<i>Trần Hoàng Anh Tuấn</i>	<i>6.960.000.000</i>	-
<i>Các cổ đông khác</i>	<i>21.461.350.000</i>	<i>21.461.350.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>60.500.000.000</b>	<b>60.500.000.000</b>

*c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	60.500.000.000	60.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.500.000.000	60.500.000.000
- <i>Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>	-	-

*d. Cổ phiếu*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.050.000	6.050.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.050.000	6.050.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.050.000</i>	<i>6.050.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.050.000	6.050.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.050.000</i>	<i>6.050.000</i>

\* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

*e. Các quỹ của doanh nghiệp*

- Quỹ đầu tư phát triển	446.367.502	446.367.502
-------------------------	-------------	-------------

**12. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	57.635,83	72,69
- EUR	-	50,80

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

## 1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
<i>a. Tổng doanh thu</i>	<b>93.726.778.874</b>	<b>97.793.150.000</b>
- Doanh thu bán hàng	93.726.778.874	97.793.150.000
<i>b. Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	-	-

## 2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa đã bán	89.621.680.320	95.980.400.000
<b>Cộng</b>	<b>89.621.680.320</b>	<b>95.980.400.000</b>

## 3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.896.475	113.938
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	256.075.482	-
<b>Cộng</b>	<b>257.971.957</b>	<b>113.938</b>

## 4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.741.797	39.894
- Chi phí lãi vay	676.578.629	-
<b>Cộng</b>	<b>679.320.426</b>	<b>39.894</b>

## 5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
<i>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<b>2.952.260.618</b>	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.952.260.618	-
<i>b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<b>570.062.865</b>	<b>543.023.988</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	41.666.667	420.000.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	10.500.000	2.863.636
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	9.644.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.896.198	110.516.352

## 6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Phạt vi phạm hành chính	15.607.102	8.072.859
- Các khoản khác	2.444.649	-
<b>Cộng</b>	<b>18.051.751</b>	<b>8.072.859</b>

## 7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân công	41.666.667	420.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.480.656.816	123.023.988
<b>Cộng</b>	<b>3.522.323.483</b>	<b>543.023.988</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	143.374.875	1.261.727.197
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	439.456.629	8.072.859
+ Các khoản điều chỉnh tăng	439.456.629	8.072.859
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	582.831.504	1.269.800.056
- Tổng thu nhập tính thuế	582.831.504	1.269.800.056
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	116.566.301	253.960.011
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	116.566.301	253.960.011

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(84.769.906)	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(84.769.906)</b>	<b>-</b>

Ghi chú: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

**10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	111.578.480	992.767.186
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.050.000	6.050.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>18</b>	<b>164</b>

**11. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	111.578.480	992.767.186
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.050.000	6.050.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>18</b>	<b>164</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không phát sinh.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	30.064.806.959	-

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	15.000.000.000	-



VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park	Cùng thành viên ban điều hành
Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding	Cùng thành viên ban điều hành
Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	Cổ đông góp vốn lớn vào Công ty
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu hồi tiền tạm ứng</b>		
Tạ Tiến Dũng	1.385.908.611	1.615.986.300
Nguyễn Đức Thuận	-	20.000.000.000
<b>Chi Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park	-	42.000.000.000
<b>Nhận tài sản của cổ đông để thế chấp cho khoản vay</b>		
Giá trị ghi nhận theo mệnh giá của 3.903.865 cổ phiếu CET	39.038.650.000	-
Giá trị Bất động sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	18.698.000.000	-

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác

Họ tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Đỗ Văn Đạt	Chủ tịch HĐQT	-	-
Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Hà Lê Thúy Vy	TVĐL HĐQT	-	-
Nguyễn Thu Hà	Trưởng BKS	-	-
Nguyễn Thị Mai	Thành viên BKS	-	-
Trịnh Quyết Tiến	Thành viên BKS	-	-
Tạ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc đến ngày miễn nhiệm 07/07/2023	-	180.000.000
Lê Văn Thắng	Kế toán trưởng đến ngày miễn nhiệm 07/07/2023	-	180.000.000
Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	-	-
Trần Thị Thảo Trang	Phó Tổng giám đốc	-	-
Lê Hoàng Đài Trang	Phó Tổng giám đốc - Thành viên HĐQT	-	-
Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng	15.000.000	-
Trần Thị Thanh Nhân	Giám đốc Tài Chính	-	-
<b>Cộng</b>		<b>15.000.000</b>	<b>360.000.000</b>

**Ghi chú:** Trong năm Công ty đang trong quá trình chuyển giao điều hành, tái cơ cấu nên các thành viên ban điều hành kiêm nhiệm và không nhận thù lao.

**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*d. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu khác</b>		
Tạm ứng Tạ Tiến Dũng	-	1.385.908.611
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding	15.600.000.000	15.600.000.000

**2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN**

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh thương mại chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.*

Hoạt động thương mại là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động thương mại là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

**3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**4. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh.

Người lập biểu



Trịnh Phương Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Phương Anh

Lập ngày 21 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Phương

